

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HS-ST
Ngày 24 - 9 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Diện và ông Trần Trọng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 12/9/2018, đối với bị cáo: **Nguyễn Ngọc B** (tên gọi khác: B V), sinh ngày 04/4/1992 tại phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc V và bà Nguyễn Thị Thu H; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng Bên pháp ngăn chặn “Tạm giam” tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Ba Đồn từ ngày 29/5/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Cao Xuân T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố M1, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn Bết tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06 tháng 5 năm 2018, sau khi tàn cuộc nhậu tại bãi Bền T thuộc tổ dân phố Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình thì Cao Xuân T điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Ngọc B đến quán cà phê SELFIE của mình ở thôn V, xã L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để nghỉ ngơi. Khi đến quán cà phê, T và B vào nghỉ trong phòng ngủ của quán. Lúc này, B mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 8 của T để chơi điện tử. Khoảng 30 phút sau, T lấy lại chiếc điện thoại di động đó để mở nhạc nghe rồi nằm ngủ. B nằm được một lúc nhưng không ngủ được nên quay sang thì thấy T đã ngủ say. B có gọi nhưng không thấy T trả lời. Nhìn thấy chiếc điện thoại di động của T được đặt bên cạnh T trong khi T lại đang còn ngủ say nên B đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại di động đó. B đến chỗ T đang nằm ngủ và lấy chiếc điện thoại di động của T, sau đó bỏ vào túi quần rồi bắt taxi đi đến tiệm cầm đồ “H D” thuộc tổ dân phố C, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình gặp chủ tiệm là chị Nguyễn Thị H để cầm cố chiếc điện thoại trên. Chị H không biết chiếc điện thoại là do B trộm cắp mà có nên đã đồng ý cho B cầm cố với giá 8.000.000 đồng. Sau đó, B đi đến phường L, thị xã B chơi và tiêu xài hết toàn bộ số tiền trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tạm giữ và giao trả tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 8, vỏ máy màu đen - xám cho anh Cao Xuân T. Đồng thời, bị cáo và gia đình đã thỏa thuận và hoàn trả số tiền 8.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H do đây là số tiền mà bị cáo có được do cầm cố chiếc điện thoại di động nói trên tại tiệm cầm đồ của chị H. Sau khi nhận lại tài sản và đầy đủ số tiền nói trên, anh T và chị H không có khiếu nại hay yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/HĐ ngày 10/5/2018, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã B xác định: Tài sản bị cáo trộm được là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 8, vỏ máy màu đen - xám có giá trị tại thời điểm mất trộm là 20.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSNDTXBĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc B, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B từ 06 đến 09 tháng tù.

Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố đối với bị cáo nên không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Ngọc B đã hoàn toàn thừa nhận và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh T, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 8 nhằm mục đích đem cầm cố lấy tiền tiêu xài, phục vụ nhu cầu cá nhân. Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại theo kết luận của cơ quan chuyên môn tại thời điểm mất trộm là 20.000.000 đồng. Như vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn thống nhất, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Nguyễn Ngọc B đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và quá trình nhân thân của bị cáo, thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân và gây mất trật tự trị an trong địa bàn. Bị cáo là một thanh niên tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng lại lười lao động và muốn kiếm tiền dựa vào việc chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, thể hiện cụ thể ở các lần sau: Bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 59/2008/HSST ngày 24/10/2008 và xử phạt 20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 37 tháng 28 ngày về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại Bản án số 21/2013/HSST ngày 19/3/2013; bị Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPHC ngày 03/3/2015. Đối với vụ án xảy ra ngày

06/5/2018 này, qua hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện cùng với quá trình nhân thân xấu của bị cáo đã cho thấy bị cáo là đối tượng có ý thức coi thường pháp luật ở mức độ cao. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xử phạt nghiêm nhằm mục đích răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với các đối tượng khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng khắc phục, sửa chữa lỗi lầm; đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt áp dụng:

Hội đồng xét xử thấy, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo tiến bộ, sớm trở lại là công dân lương thiện, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ và kịp thời giao trả cho bị hại Cao Xuân T. Bị cáo và gia đình cũng đã thỏa thuận và hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H chủ tiệm cầm đồ “H D” số tiền 8.000.000 đồng do chị H nhận cầm cố điện thoại mà bị cáo đã lấy trộm của anh T, nhưng sau đó điện thoại bị Cơ quan điều tra thu giữ giao trả lại cho anh T. Xét sự thỏa thuận đó giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B đã tiến hành thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là bị hại Cao Xuân T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 8, màu đen - xám. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: B V) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: B V) 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 29/5/2018.

Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: B V) với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: B V) phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (Đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

